

Số: 336/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 06 tháng 07 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 51, 53, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 370/2022/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Dạ Lê, phường Thủy Vân, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

+ Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: 6/43 Thạch Hãn, phường Thuận Hòa, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Vân, thị xã Hương thủy (nay là phường Thủy Vân), tp H, tỉnh Thừa Thiên H, vào ngày 05/03/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà bố mẹ chị T cho đến nay, trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống và luôn xảy ra cãi vã nhau và không ai quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T công nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là: Nguyễn Hồng Bảo C, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Hồng Bảo L, sinh ngày 05/5/2017.

Nay thuận tình ly hôn hai đương sự tự nguyện thỏa thuận như sau: Giao 02 cháu Nguyễn Hồng Bảo C, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Hồng Bảo L, sinh ngày 05/5/2017 cho chị Trần Thị Phương T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (18 tuổi), anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000đồng/2cháu. thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu C và cháu L trưởng thành, (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T cùng công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án : Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T mỗi người phải chịu 150.000đồng, nhưng anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003382 ngày 08/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành Phố H. Nay anh chị không phải nộp nữa.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 28/6/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH :**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T cùng công nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Bảo C, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Hồng Bảo L, sinh ngày 05/5/2017.

Giao 02 cháu Nguyễn Hồng Bảo C, sinh ngày 30/01/2013 và Nguyễn Hồng Bảo L, sinh ngày 05/5/2017 cho chị Trần Thị Phương T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (18 tuổi), anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 01 tháng 2.000.000đồng/2cháu. thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu C và cháu L trưởng thành, (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T cùng công nhận không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T mỗi người phải chịu 150.000đồng, nhưng anh Nguyễn Văn A và chị Trần Thị Phương T đã nộp đủ 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003382 ngày 08/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành Phố H. Nay anh chị không phải nộp nữa.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSNDTP H;
- UBND xã Thủy Vân  
( nay là phường thủy Vân) - tp H;
- (ĐKKH số 18/2012, ngày 05/3/2012);
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Huê**